TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 554/2018/DS-ST
Ngày: 29 - 10 - 2018
V/v "tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 187/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số A đường N, Phường T, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường Th, sinh năm 1994 - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 907/2018/UQ-TTT ngày 08/6/2018) - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số H Đường P, Tổ 11, Khu phố H, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn Ngân hàng S (Sau đây viết tắt là nguyên đơn) có ông Phạm Trường Th là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2011 của ông Nguyễn Thành Nh (Sau đây viết tắt là bị đơn) thì ngày 08/11/2011 nguyên đơn đã phê duyệt hạn mức tín dụng cho bị đơn là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Bị đơn đồng ý với Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.362.478 (Mười ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi tám) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 8.800.000 (Tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/6/2013 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/10/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản sau:

- Nợ gốc là 11.194.707 đồng;

- Lãi quá hạn tính đến ngày 29/10/2018 là 23.863.422 đồng;

Tổng cộng: 35.058.129 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi chín) đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán một lần và toàn bộ số tiền cho nguyên đơn tính đến ngày 29/10/2018 là 35.058.129 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2011 được nguyên đơn phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 08/11/2011 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào thỏa thuận hợp đồng đã ký giữa 02 bên cho thấy việc ký kết hợp đồng giao dịch là tự nguyện, phù hợp quy đinh của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 35.058.129 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi chín) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ kết quả trả lời của Công an phường Phú Mỹ tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 220/2018/QĐ-CCTLCC ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: Đương sự Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại số H Đường P, Tổ 11, Khu phố H, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, không thực tế cư ngụ tại địa phương từ năm 2010 cho đến nay.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2011, sổ hộ khẩu (Đã được ngân hàng đối chiếu), Điều 10 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn thì tại thời điểm vay nợ, bị đơn cung cấp địa chỉ là số số H Đường P, Tổ 11, Khu phố H, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và bị đơn cam kết thông báo ngay lập tức cho nguyên đơn về bất kỳ sự thay đổi về thông tin của bị đơn.

Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng về nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú mới, căn cứ vào Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn có nơi cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham

gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Khoản 4 Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự ý tước bỏ các quyền tự chứng minh, trình bày ý kiến của mình và chịu hậu quả của việc không chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 35.058.129 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi chín) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc 11.194.707 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 23.863.422 đồng; yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn.

Căn cứ theo các quy định và các văn bản hai bên đã ký kết, xét thấy có đủ cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn mở thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Bị đơn đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.362.478 (Mười ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi tám) đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chỉ thanh toán được số tiền là 8.800.000 (Tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/5/2013 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2011 được nguyên đơn phê duyệt hạn mức tín dụng vào ngày 08/11/2011 và quy định của Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2011 được nguyên đơn phê duyệt hạn mức tín dụng vào ngày 08/11/2011 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 35.058.129 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2018 được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 1.752.906 (Một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn chín trăm lẻ sáu) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Ngân hàng S và ông Nguyễn Thành Nh có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thành Nh.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

2.1. Buộc ông Nguyễn Thành Nh phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số nợ còn thiếu là 35.058.129 (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi chín) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 11.194.707 (Mười một triệu một trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ bảy) đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 23.863.422 (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng; trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2018, ông Nguyễn Thành Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2011 được nguyên đơn phê duyệt hạn mức tín dụng vào ngày 08/11/2011 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.752.906 (Một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn chín trăm lẻ sáu) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 829.222 (Tám trăm hai mươi chín nghìn hai trăm hai

mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0025763 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2.4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là Ngân hàng S được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Q7;
- Lưu, hồ sơ (Luyến).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trần Cảnh